

**BẢNG ĐIỂM THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10
NĂM HỌC 2025-2026**

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường thi	Điểm 3 môn thi chung			Môn chuyên	
					Văn	Toán	Tiếng Anh	Điểm	Môn chuyên
1	104001	CHU THÁI AN	10/10/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.75	9.20	7.60	6.75	Sinh
2	104002	ĐÌNH THỊ THUỶ AN	17/11/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.50	7.35	5.60	4.25	Địa lý
3	104003	LÊ NGUYỄN KHÁNH AN	15/07/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.25	5.45	8.40	5.50	Văn
4	104004	NGUYỄN ĐỖ THIÊN AN	04/06/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.25	7.95	6.20	6.00	Lý
5	104005	NGUYỄN HẢI THIÊN AN	24/07/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.50	4.10	4.00	4.50	Địa lý
6	104006	NGUYỄN HOÀI TÂM AN	21/10/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.50	9.30	7.20	6.75	Toán
7	104007	NGUYỄN TRẦN HẢI AN	11/08/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.25	9.00	7.40	6.00	Lý
8	104008	NGUYỄN VŨ NGỌC AN	21/04/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.50	7.15	9.00	2.18	Hóa
9	104009	PHẠM LÊ THÁI AN	06/04/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.50	8.35	9.20	4.75	Toán
10	104010	PHẠM THỊ HOÀI AN	23/11/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.00	8.00	8.00	6.25	Toán
11	104011	TRẦN BẢO AN	30/09/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.25	6.45	6.20	3.50	Sinh
12	104012	TRẦN BẢO AN	15/01/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	5.50	7.40	6.60	6.00	Lý
13	104013	TỪ THỊ MỸ AN	07/06/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.50	8.85	8.20	5.35	Hóa
14	104014	VÕ HOÀNG PHÚC AN	24/07/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.25	7.25	6.60	0.25	Toán
15	104015	VŨ THỊ BẢO AN	08/11/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.00	8.35	5.80	7.33	Hóa
16	104016	NGUYỄN PHẠM ANA	20/06/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.00	8.20	9.00	4.10	Anh
17	104017	BÙI NGỌC DIỆU ANH	21/07/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.25	7.95	10.00	5.25	Anh
18	104018	ĐẶNG HUỲNH MAI ANH	10/09/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	9.00	8.85	9.80	6.25	Anh
19	104019	ĐÌNH HÀ ANH	27/03/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.25	3.95	3.20	4.00	Lịch sử
20	104020	ĐOÀN LƯƠNG PHƯƠNG ANH	30/01/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.50	7.15	9.80	5.85	Anh
21	104021	ĐỖ BẢO QUỲNH ANH	06/07/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.25	7.05	7.60	3.25	Địa lý
22	104022	DƯƠNG NGUYỄN THỰC ANH	14/07/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	9.00	8.75	9.80	7.25	Văn
23	104023	HÀ PHAN KIỀU ANH	08/11/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.00	7.80	6.40	3.50	Văn
24	104024	HOÀNG TRỌNG TUẤN ANH	28/01/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.25	8.50	9.20	4.20	Anh
25	104025	HỒ NGUYỄN VIỆT ANH	22/02/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.00	7.95	7.80	7.75	Lý
26	104026	LANG THỦY ANH	21/07/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	5.75	6.55	7.20	1.50	Sinh
27	104027	LÊ THỊ HẢI ANH	16/05/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.75	8.85	8.80	3.50	Toán
28	104028	LÊ THỊ PHƯƠNG ANH	30/06/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.50	8.00	7.00	8.50	Lý
29	104029	LƯU NHƯ ANH	08/04/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.25	7.00	7.40	2.00	Toán
30	104030	NGÔ HOÀNG VÂN ANH	16/10/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.75	4.60	6.80	5.50	Địa lý
31	104031	NGUYỄN ĐOÀN BẢO ANH	12/08/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	9.50	9.40	9.00	7.63	Sinh

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường thi	Điểm 3 môn thi chung			Môn chuyên	
					Văn	Toán	Tiếng Anh	Điểm	Môn chuyên
32	104032	NGUYỄN ĐOÀN QUỐC ANH	19/04/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.75	4.50	4.20	3.25	Văn
33	104033	NGUYỄN ĐỨC ANH	24/06/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.75	9.05	8.60	6.50	Toán
34	104034	NGUYỄN GIA TUỆ ANH	04/11/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.00	6.75	7.40	4.00	Địa lý
35	104035	NGUYỄN HOÀNG ANH	11/09/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.00	8.35	7.40	3.25	Lý
36	104036	NGUYỄN HOÀNG MINH ANH	02/09/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	9.00	9.00	8.00	8.50	Toán
37	104037	NGUYỄN LÊ QUỲNH ANH	25/10/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.25	6.85	5.60	4.25	Văn
38	104038	NGUYỄN MINH ANH	12/09/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	9.50	8.80	10.00	6.90	Anh
39	104039	NGUYỄN TĂNG ĐỨC ANH	23/08/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.25	7.65	7.80	3.75	Toán
40	104040	NGUYỄN THỊ HÀ ANH	08/02/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.50	6.75	8.20	6.75	Văn
41	104041	NGUYỄN THỊ MINH ANH	10/03/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.00	6.20	8.80	4.38	Sinh
42	104042	NGUYỄN THUY ANH	26/10/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.25	8.45	9.60	9.25	Sinh
43	104043	NGUYỄN TIẾN ANH	17/01/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.25	7.50	8.80	3.45	Anh
44	104044	NGUYỄN VÕ HOÀNG ANH	29/03/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.50	10.00	9.40	8.75	Toán
45	104045	NGUYỄN VŨ HỒNG ANH	21/04/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.50	7.80	10.00	6.10	Anh
46	104046	NGUYỄN VŨ THẢO ANH	01/03/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.50	5.75	6.60	4.50	Địa lý
47	104047	PHẠM QUYỀN ANH	30/04/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	5.75	5.50	3.60	1.50	Sinh
48	104048	PHAN LÊ TUỆ ANH	17/03/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.50	9.80	9.80	6.75	Toán
49	104049	TRẦN ĐỨC ANH	06/09/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.75	10.00	9.60	8.25	Toán
50	104050	TRẦN ĐỨC VIỆT ANH	11/05/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.00	6.45	7.60	5.75	Tin
51	104051	TRẦN NGUYỄN VIỆT ANH	05/11/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.75	5.80	5.40	4.50	Lịch sử
52	104052	TRẦN THỊ BẢO ANH	27/01/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.00	7.35	9.60	4.20	Anh
53	104053	TRẦN THỊ MINH ANH	07/04/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.00	8.85	7.00	2.50	Toán
54	104054	TRẦN TUẤN ANH	07/01/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.50	8.40	7.20	6.50	Địa lý
55	104055	VÕ HẠ VY ANH	04/06/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.75	6.70	8.00	4.75	Văn
56	104056	VÕ THỊ TRÚC ANH	05/11/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.50	6.30	6.80	5.25	Văn
57	104057	VŨ ĐỨC ANH	17/01/2009	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.50	8.75	8.60	6.25	Toán
58	104058	VŨ NGUYỄN VÂN ANH	12/05/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.50	6.95	5.00	4.00	Địa lý
59	104059	VŨ PHƯƠNG ANH	12/01/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.30	8.35	8.60	2.25	Lý
60	104060	LÊ HOÀNG NHẬT ÁNH	06/12/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.50	7.55	9.20	6.55	Tin
61	104061	NGUYỄN BUI NGỌC ÁNH	08/09/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	5.25	7.90	8.80	7.60	Hóa
62	104062	NGUYỄN THỊ HOÀNG ÁNH	30/06/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.75	7.95	7.60	2.00	Văn
63	104063	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	30/07/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.25	8.00	7.00	4.75	Sinh
64	104064	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	25/10/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.50	9.30	9.20	8.05	Hóa

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường thi	Điểm 3 môn thi chung			Môn chuyên	
					Văn	Toán	Tiếng Anh	Điểm	Môn chuyên
65	104065	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	20/09/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.75	6.75	9.00	7.00	Văn
66	104066	TRẦN THỊ NHẬT ÁNH	05/05/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.50	6.35	6.20	4.63	Sinh
67	104067	NGUYỄN SƠN BÁCH	03/08/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.50	9.80	9.20	8.80	Hóa
68	104068	ĐÀO VĂN BẢO	24/08/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.00	8.55	9.40	4.50	Toán
69	104069	ĐẬU PHAN QUANG BẢO	28/10/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.50	8.35	9.60	6.75	Tin
70	104070	ĐOÀN HUY BẢO	24/01/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.75	6.05	8.40	1.75	Sinh
71	104071	NGUYỄN ANH GIA BẢO	10/01/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.00	10.00	10.00	6.75	Toán
72	104072	NGUYỄN ĐĂNG GIA BẢO	22/04/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.00	9.10	7.60	4.00	Toán
73	104073	NGUYỄN ĐÌNH BẢO	09/03/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	5.75	8.10	7.80	1.75	Lý
74	104074	NGUYỄN GIA BẢO	17/04/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.00	8.30	5.20	4.50	Lý
75	104075	NGUYỄN GIA BẢO	02/12/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.75	6.75	7.80	2.25	Địa lý
76	104076	NGUYỄN GIA BẢO	06/10/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.00	6.90	7.40	6.50	Tin
77	104077	NGUYỄN THÁI NHẬT BẢO	18/05/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.25	5.55	4.40	7.25	Lịch sử
78	104078	PHẠM GIA BẢO	20/09/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.00	8.55	7.40	6.05	Tin
79	104079	PHẠM VĂN BẢO	21/06/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.00	6.50	5.20	0.88	Hóa
80	104080	TRẦN GIA BẢO	21/06/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.00	5.20	5.80	3.25	Tin
81	104081	TRẦN MINH GIA BẢO	04/12/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.75	7.55	4.80	6.75	Lịch sử
82	104082	TRỊNH GIA BẢO	10/12/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.00	7.80	9.80	5.80	Anh
83	104083	TRỊNH THÁI BẢO	18/01/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	Vắng thi	Vắng thi	Vắng thi	Vắng thi	Toán
84	104084	ĐỖ NGUYỄN BẢO CHÂU	25/09/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.50	9.30	6.80	4.28	Hóa
85	104085	NGUYỄN THỊ BÌNH	29/01/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.00	8.80	7.60	7.08	Hóa
86	104086	TRẦN GIA BÌNH	24/02/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	4.75	5.60	7.00	7.25	Lịch sử
87	104087	ĐOÀN NGỌC MINH CHÂU	08/11/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.00	5.75	9.00	7.00	Văn
88	104088	LÊ NGUYỄN BẢO CHÂU	03/09/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.00	9.80	9.80	6.50	Toán
89	104089	PHẠM BẢO CHÂU	12/07/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.75	4.45	3.80	1.50	Địa lý
90	104090	PHẠM THỊ NGỌC CHÂU	23/09/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.00	7.70	9.80	6.15	Anh
91	104091	BÀN NGỌC CHI	04/10/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	9.00	9.05	9.80	7.00	Văn
92	104092	BÙI LÊ BẢO CHI	08/08/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.00	7.80	8.40	8.75	Lịch sử
93	104093	BÙI THỊ QUỲNH CHI	25/09/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.00	7.15	8.00	3.25	Lịch sử
94	104094	LÊ THỊ KHÁNH CHI	19/06/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.25	7.00	8.40	6.50	Địa lý
95	104095	LUONG KHANH CHI	29/05/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.25	6.95	6.60	6.25	Văn
96	104096	NGUYỄN HÀ CHI	30/01/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	Vắng thi	Vắng thi	Vắng thi	Vắng thi	Lý
97	104097	NGUYỄN LINH CHI	12/04/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.50	9.10	9.40	4.80	Anh

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường thi	Điểm 3 môn thi chung			Môn chuyên	
					Văn	Toán	Tiếng Anh	Điểm	Môn chuyên
98	104098	TIÊU ĐẶNG KIM CHI	20/08/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	5.50	8.15	9.80	7.20	Anh
99	104099	TRẦN THỊ QUỲNH CHI	19/05/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.00	4.25	5.40	1.50	Địa lý
100	104100	NGUYỄN MINH CHÍNH	16/03/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.00	8.85	9.20	5.70	Anh
101	104101	PHẠM NGỌC CHÍNH	22/05/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.00	6.15	7.40	2.25	Lý
102	104102	HỒ HUY CHƯƠNG	25/01/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	5.50	8.45	7.60	8.50	Lý
103	104103	TRẦN ĐỨC CHƯƠNG	19/11/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.00	8.50	7.40	5.00	Lý
104	104104	NGUYỄN CHÍ CÔNG	02/02/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.75	6.10	6.60	6.50	Văn
105	104105	LƯU PHÚ CƯỜNG	29/06/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.75	7.10	6.20	3.45	Hóa
106	104106	PHẠM NĂNG QUỐC ĐẠI	17/07/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.50	8.05	5.00	0.75	Toán
107	104107	LÊ HÀ PHƯƠNG ĐAN	30/01/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.00	7.15	3.80	1.75	Lý
108	104108	NGUYỄN PHẠM TÂM ĐAN	17/03/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.75	7.75	9.60	5.35	Anh
109	104109	NGUYỄN XUÂN DÂN	15/08/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.00	6.80	7.80	0.88	Sinh
110	104110	KHUẤT HẢI ĐĂNG	29/09/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	4.50	3.25	1.60	1.75	Lịch sử
111	104111	LÊ NGUYỄN MINH ĐĂNG	11/01/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.00	6.70	7.00	9.00	Lịch sử
112	104112	QUÁCH HẢI ĐĂNG	11/02/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.25	7.20	5.40	2.25	Lịch sử
113	104113	VŨ MINH ĐĂNG	08/06/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.25	7.50	7.20	1.50	Lý
114	104114	LÊ CÔNG TRƯỜNG DANH	07/05/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.00	7.25	8.60	4.75	Sinh
115	104115	HOÀNG QUỐC ĐÀO	31/10/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.50	8.40	7.00	4.50	Toán
116	104116	ĐINH TẤT ĐẠT	24/10/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.00	9.50	9.80	4.70	Anh
117	104117	NGUYỄN NGỌC THÀNH ĐẠT	12/10/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.75	6.20	6.40	5.75	Sinh
118	104118	PHẠM NGUYỄN TIẾN ĐẠT	26/03/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.00	7.40	4.60	1.75	Lý
119	104119	TRẦN LÊ NGUYỄN ĐẠT	16/05/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.50	9.30	8.60	7.00	Toán
120	104120	TRẦN TRỌNG ĐẠT	07/01/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.00	9.50	8.80	6.25	Toán
121	104121	TAI NHẬT NGỌC DI	02/01/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.25	7.20	5.00	4.25	Văn
122	104122	LÃNH THỊ QUỲNH DIỄM	05/02/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.25	5.25	7.40	4.00	Văn
123	104123	TRẦN THỊ THUỶ DIỄM	17/04/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.25	6.45	4.60	4.00	Văn
124	104124	TRẦN THỊ NGỌC DIỆP	30/04/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.50	6.05	6.00	1.50	Lý
125	104125	LÊ THỊ HOÀNG DIỆP	11/04/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.75	7.75	5.20	1.00	Toán
126	104126	NGUYỄN THỊ THUỶ DIỆU	08/01/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.75	8.30	8.20	5.00	Toán
127	104127	NGUYỄN HIỀN DỊU	07/08/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.00	7.55	8.20	6.75	Văn
128	104128	TÔ GIA DOANH	31/07/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.00	7.60	9.80	5.10	Anh
129	104129	LÊ HỒNG ĐỨC	27/12/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.75	9.80	9.20	9.80	Tin
130	104130	LÊ VĂN ĐỨC	28/01/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.25	9.80	7.80	9.00	Lý

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường thi	Điểm 3 môn thi chung			Môn chuyên	
					Văn	Toán	Tiếng Anh	Điểm	Môn chuyên
131	104131	LÊ VĂN ĐỨC	20/01/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.00	7.85	9.60	3.88	Sinh
132	104132	NGÔ VŨ ANH ĐỨC	26/07/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.00	7.30	8.00	6.25	Văn
133	104133	NGUYỄN ANH ĐỨC	08/06/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.50	8.80	8.80	6.63	Hóa
134	104134	NGUYỄN HỮU ĐỨC	20/05/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.50	7.90	7.20	4.05	Tin
135	104135	PHẠM LÊ MINH ĐỨC	06/09/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.00	8.60	8.00	7.65	Tin
136	104136	PHÍ ĐÌNH ĐỨC	14/10/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.25	8.55	7.60	4.50	Lý
137	104137	TRẦN ANH ĐỨC	21/06/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.75	9.30	9.20	8.23	Hóa
138	104138	NGUYỄN HOÀNG DUNG	03/08/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.50	6.95	6.60	1.25	Anh
139	104139	NGUYỄN NGỌC THÙY DUNG	19/04/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.00	8.95	9.00	5.00	Sinh
140	104140	ĐOÀN MINH DŨNG	09/06/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.50	5.85	5.20	0.50	Toán
141	104141	LÊ TÂN DŨNG	18/01/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.50	7.90	6.00	7.00	Lý
142	104142	NGUYỄN ĐÌNH DŨNG	13/07/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.50	9.45	9.20	8.25	Toán
143	104143	NGUYỄN LÊ ANH DŨNG	19/09/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.00	8.55	10.00	5.90	Anh
144	104144	NGUYỄN TIẾN DŨNG	01/01/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.00	5.55	5.60	1.75	Văn
145	104145	NGUYỄN TRỌNG DŨNG	16/01/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.00	9.05	10.00	7.50	Toán
146	104146	TRẦN ANH DŨNG	30/03/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.25	7.95	5.00	6.25	Lịch sử
147	104147	ĐÌNH HẢI DƯƠNG	24/07/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.50	7.85	6.40	3.50	Toán
148	104148	ĐOÀN HẢI DƯƠNG	19/08/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.25	8.30	7.60	6.65	Hóa
149	104149	LÊ QUANG DƯƠNG	12/02/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.50	8.75	9.60	5.25	Anh
150	104150	LÊ THỊ THUỶ DƯƠNG	25/11/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.25	8.55	8.20	4.00	Toán
151	104151	TIÊU HÀ DƯƠNG	24/08/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.75	7.40	10.00	5.15	Anh
152	104152	ĐẶNG VĂN MINH DUY	23/04/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.00	7.20	9.00	5.83	Hóa
153	104153	MẠC KHÁNH DUY	30/06/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.75	8.90	7.60	8.65	Hóa
154	104154	PHAN BẢO DUY	26/07/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.50	8.45	9.80	7.30	Tin
155	104155	TRẦN VŨ HẢI DUY	04/05/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.75	8.85	7.40	5.98	Hóa
156	104156	HOÀNG KỶ DUYÊN	12/07/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.25	4.60	9.00	4.25	Lịch sử
157	104157	TRẦN THỊ MỸ DUYÊN	18/01/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.00	7.75	9.60	6.50	Hóa
158	104158	LÊ THỊ HỒNG GÁM	30/10/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.00	4.90	4.60	2.00	Địa lý
159	104159	LƯƠNG NGỌC BẢO GIANG	11/12/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.25	5.50	7.40	3.25	Văn
160	104160	NGUYỄN HƯƠNG GIANG	17/04/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.50	4.45	6.80	4.25	Văn
161	104161	NGUYỄN TRẦN HÀ GIANG	08/06/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	5.75	7.95	6.60	4.75	Địa lý
162	104162	TRẦN THỊ HƯƠNG GIANG	02/03/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.75	8.55	9.20	5.00	Toán
163	104163	VĂN NGỌC QUỲNH GIANG	28/11/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.00	6.85	5.60	5.00	Văn

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường thi	Điểm 3 môn thi chung			Môn chuyên	
					Văn	Toán	Tiếng Anh	Điểm	Môn chuyên
164	104164	ĐOÀN KHÁNH HÀ	07/01/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.00	5.50	5.20	3.50	Văn
165	104165	HOÀNG THU HÀ	01/05/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.50	7.00	9.60	7.15	Anh
166	104166	MAI THÁI HÀ	23/03/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	5.25	7.35	5.20	5.95	Tin
167	104167	NGUYỄN ĐỨC HÀ	09/04/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.25	8.35	7.40	5.25	Toán
168	104168	NGUYỄN THANH HÀ	01/08/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.75	8.65	8.60	7.50	Văn
169	104169	TRIỆU THỊ NGỌC HÀ	23/06/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.50	6.60	7.00	1.50	Lý
170	104170	VĂN NGUYỄN PHƯƠNG HÀ	28/12/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.25	8.80	9.00	6.53	Hóa
171	104171	BÙI HOÀNG NHẬT HẠ	09/05/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.00	5.15	4.60	3.00	Địa lý
172	104172	BÙI VĂN HẢI	01/01/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.50	9.30	8.00	7.50	Toán
173	104173	HOÀNG TRUNG HẢI	22/11/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.00	8.25	7.20	6.75	Toán
174	104174	LÂM SƠN HẢI	26/07/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.50	8.65	7.60	4.00	Toán
175	104175	NGUYỄN XUÂN HẢI	20/02/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	3.75	5.05	5.00	2.75	Tin
176	104176	BÙI LÊ KHÁNH HÂN	03/01/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.00	5.90	6.60	1.38	Sinh
177	104177	ĐINH THỊ NGỌC HÂN	01/08/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.25	4.15	3.80	5.00	Văn
178	104178	HỒ LÊ NGỌC HÂN	12/02/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.75	7.05	7.40	2.50	Lý
179	104179	LƯU NGỌC HÂN	04/07/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.50	7.30	7.80	6.00	Văn
180	104180	NGUYỄN ĐOÀN GIA HÂN	12/07/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.00	4.60	6.40	2.00	Địa lý
181	104181	NGUYỄN GIA HÂN	30/01/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.00	6.90	5.20	6.25	Lịch sử
182	104182	NGUYỄN HOÀNG GIA HÂN	16/01/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.50	9.05	8.00	5.50	Toán
183	104183	NGUYỄN NGỌC HÂN	13/01/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.25	8.75	6.60	8.50	Lý
184	104184	NGUYỄN NGỌC HÂN	05/09/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	9.00	8.60	8.60	7.75	Văn
185	104185	NGUYỄN THỊ NGỌC HÂN	15/12/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.50	3.60	4.40	6.00	Văn
186	104186	TRẦN GIA HÂN	02/08/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.00	5.85	8.00	5.75	Văn
187	104187	TRẦN THỊ NGỌC HÂN	10/02/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.75	7.20	9.20	6.15	Anh
188	104188	TRẦN TRÚC HÂN	25/05/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.50	8.45	9.80	7.75	Văn
189	104189	VÕ NGỌC HÂN	14/03/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.75	7.85	6.00	2.75	Lý
190	104190	ĐẶNG THỊ THANH HẰNG	28/01/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.00	9.80	9.60	5.75	Toán
191	104191	NGUYỄN KHÁNH HẰNG	02/09/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.25	5.75	6.80	4.25	Văn
192	104192	PHAN THÚY HẰNG	05/06/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.75	6.60	8.80	7.50	Địa lý
193	104193	CHU TUẤN HẠNH	14/06/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.00	7.40	4.40	0.75	Hóa
194	104194	VƯƠNG SONG HẠNH	23/10/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.75	7.35	8.60	4.75	Sinh
195	104195	ĐINH THIÊN HẠO	04/06/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.50	8.80	9.00	7.25	Tin
196	104196	TRẦN THÚY HIỀN	07/02/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.25	6.60	9.80	4.50	Anh

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường thi	Điểm 3 môn thi chung			Môn chuyên	
					Văn	Toán	Tiếng Anh	Điểm	Môn chuyên
197	104197	TRƯƠNG THỊ THU HIỀN	01/11/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.50	9.30	7.40	4.75	Lý
198	104198	NGUYỄN THẾ HIỂN	19/11/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	5.75	7.20	6.20	4.80	Tin
199	104199	HOÀNG ĐỨC HIẾU	30/08/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.50	5.65	5.80	1.25	Toán
200	104200	NGUYỄN TRUNG HIẾU	11/08/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.75	7.50	4.00	5.75	Sinh
201	104201	BÙI THỊ NGỌC HOA	17/08/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.50	5.05	5.80	5.25	Văn
202	104202	ĐINH THỊ NGỌC HOA	16/09/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	Vắng thi	Vắng thi	Vắng thi	Vắng thi	Văn
203	104203	NGUYỄN THỊ HOA	28/04/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.00	7.60	7.20	4.50	Toán
204	104204	ĐỖ NGỌC KHÁNH HÒA	04/11/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.75	9.80	7.60	6.50	Toán
205	104205	ĐỖ THÁI HÒA	05/06/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.75	9.35	8.60	7.33	Hóa
206	104206	NGUYỄN THÁI HÒA	30/01/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.25	9.15	8.40	4.13	Hóa
207	104207	ĐÀM THỊ THU HOÀI	30/08/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.00	6.45	3.20	6.75	Văn
208	104208	LÊ THỊ THANH HOÀI	21/04/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.75	7.15	4.20	6.25	Địa lý
209	104209	LƯU THỊ HOÀI	02/01/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.75	7.85	6.00	6.00	Địa lý
210	104210	BÙI NGUYỄN HUY HOÀNG	26/10/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.25	9.60	9.00	6.50	Lý
211	104211	CAO HUY HOÀNG	06/09/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.75	7.90	4.40	4.75	Toán
212	104212	MAI HUY HOÀNG	06/03/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	4.75	6.65	4.40	4.70	Tin
213	104213	NGUYỄN CẢNH HOÀNG	05/03/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.25	4.85	4.40	3.50	Lịch sử
214	104214	NGUYỄN PHỤNG HOÀNG	16/10/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.75	8.55	9.00	6.78	Tin
215	104215	PHÙNG TRẦN HUY HOÀNG	18/05/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.75	8.10	5.60	3.75	Lý
216	104216	THÁI HUY HOÀNG	22/05/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.50	9.50	10.00	6.40	Anh
217	104217	TRẦN DUY HOÀNG	20/09/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.00	9.20	5.60	0.50	Toán
218	104218	TRẦN VĂN MINH HOÀNG	20/08/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.50	9.05	9.40	4.75	Lý
219	104219	TRƯỜNG MINH HOÀNG	03/03/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.25	9.15	6.80	6.25	Toán
220	104220	BÙI KHOA HỌC	06/01/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.00	8.05	8.20	4.83	Hóa
221	104221	KHƯƠNG THỊ NHƯ HUỆ	25/11/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.50	7.00	9.20	7.00	Văn
222	104222	BÙI MẠNH HÙNG	29/01/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.00	4.15	1.80	5.25	Địa lý
223	104223	NGUYỄN MẠNH HÙNG	28/06/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.00	7.20	5.40	1.50	Lý
224	104224	ĐOÀN NGỌC HÙNG	02/04/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.50	8.10	8.80	8.25	Hóa
225	104225	LÊ GIA HÙNG	05/01/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.75	8.35	9.00	5.65	Hóa
226	104226	LÊ QUANG HÙNG	21/06/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	5.75	7.65	6.40	5.25	Toán
227	104227	NGUYỄN MAI HƯƠNG	03/03/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.75	2.65	6.20	5.50	Lịch sử
228	104228	NGUYỄN THIÊN HƯƠNG	18/09/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.50	6.05	8.60	7.75	Văn
229	104229	TRẦN HỮU HƯƠNG	15/02/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.25	7.55	5.20	4.98	Hóa

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường thi	Điểm 3 môn thi chung			Môn chuyên	
					Văn	Toán	Tiếng Anh	Điểm	Môn chuyên
230	104230	BÙI QUANG HUY	26/09/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.00	9.25	6.20	6.00	Lý
231	104231	CÙ GIA HUY	30/01/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.50	9.50	10.00	8.25	Toán
232	104232	NGÔ QUANG HUY	14/08/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.50	5.45	3.40	0.25	Lý
233	104233	NGUYỄN VŨ GIA HUY	15/01/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.25	6.65	6.20	3.25	Tin
234	104234	PHẠM LÊ NHẬT HUY	09/04/2009	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	5.00	5.15	4.80	2.00	Lịch sử
235	104235	PHẠM QUANG HUY	18/06/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.75	4.20	6.80	6.00	Địa lý
236	104236	TRẦN HOÀNG GIA HUY	12/01/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.00	7.25	3.00	1.00	Lý
237	104237	ĐÌNH NGỌC KHÁNH HUYỀN	30/10/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.75	6.00	7.00	1.88	Sinh
238	104238	HUỲNH THỊ DIỆU HUYỀN	21/02/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.50	5.45	8.60	4.00	Địa lý
239	104239	TRẦN LÊ KHÁNH HUYỀN	28/06/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.55	6.60	7.20	5.50	Sinh
240	104240	VŨ KHÁNH HUYỀN	20/09/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.50	7.95	8.40	5.25	Văn
241	104241	THÁI KHA	03/07/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	4.25	7.15	3.80	2.00	Lý
242	104242	HWING KIỀU TUẤN KHẢI	27/04/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.25	8.60	9.60	6.40	Anh
243	104243	PHẠM HOÀNG KHẢI	30/10/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.50	9.25	8.20	9.28	Hóa
244	104244	HOÀNG GIA KHANG	25/06/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	5.50	5.25	6.00	3.25	Tin
245	104245	LÊ VÕ ANH KHANG	02/01/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.50	6.40	3.00	5.75	Tin
246	104246	NGUYỄN MẠNH KHANG	20/11/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.25	6.00	2.80	4.00	Địa lý
247	104247	NGUYỄN TUẤN KHANG	10/05/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.00	7.75	7.40	1.25	Hóa
248	104248	NGUYỄN HOÀNG LÊ KHANH	13/11/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.00	6.50	7.80	6.00	Văn
249	104249	LÀU DƯƠNG GIA KHÁNH	24/07/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	4.00	7.50	8.40	3.63	Tin
250	104250	NGUYỄN HỮU QUỐC KHÁNH	01/08/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.00	5.50	9.00	2.75	Địa lý
251	104251	THÁI LÊ NGỌC KHÁNH	09/01/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.50	8.20	6.00	7.50	Văn
252	104252	TRẦN NGỌC NGÂN KHÁNH	15/05/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.25	7.30	7.20	5.25	Lý
253	104253	HOÀNG GIA KHIÊM	12/12/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.00	8.30	2.80	7.50	Lý
254	104254	NGUYỄN KHẮC KHIÊM	14/08/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.00	6.35	3.00	3.50	Văn
255	104255	ĐẶNG BÁ KHOA	11/02/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.75	6.70	8.80	5.75	Sinh
256	104256	NGUYỄN LÊ ANH KHOA	24/08/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.00	4.05	6.40	4.25	Tin
257	104257	PHẠM DUY KHOA	06/01/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.50	4.10	3.40	0.25	Lý
258	104258	PHẠM TRẦN ĐĂNG KHOA	31/03/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.00	6.85	4.00	2.00	Địa lý
259	104259	TRẦN ANH KHOA	27/05/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.75	5.30	5.20	4.50	Văn
260	104260	HÀ VĂN KHÔI	14/10/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.00	8.50	7.00	4.00	Toán
261	104261	NGUYỄN ANH KHÔI	18/09/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.75	9.55	9.40	7.70	Tin
262	104262	NGUYỄN HỮU MINH KHÔI	28/03/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	5.25	6.10	5.40	6.50	Tin

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường thi	Điểm 3 môn thi chung			Môn chuyên	
					Văn	Toán	Tiếng Anh	Điểm	Môn chuyên
263	104263	NGUYỄN LÊ VIỆT KHÔI	28/01/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.50	9.80	8.60	8.25	Toán
264	104264	TRẦN TUẤN KHÔI	17/10/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.50	8.85	9.20	8.50	Lý
265	104265	LÊ VĂN KIÊN	15/07/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.50	9.80	9.40	8.50	Toán
266	104266	NGUYỄN TRUNG KIÊN	19/08/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.50	8.80	8.60	9.50	Lý
267	104267	TRẦN KIÊN	10/04/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.00	9.05	8.60	6.75	Địa lý
268	104268	VÕ TÁ KIÊN	10/09/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.50	7.35	4.80	3.75	Sinh
269	104269	BÙI TUẤN KIẾT	15/05/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.75	6.95	10.00	5.30	Anh
270	104270	HOÀNG GIA KIẾT	27/02/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.50	9.20	8.80	5.50	Toán
271	104271	HOÀNG LANG NHÂN KIẾT	26/07/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	5.25	6.45	5.20	2.75	Tin
272	104272	HOÀNG SĨ KIẾT	03/03/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.50	8.00	7.40	2.75	Địa lý
273	104273	LÊ ANH KIẾT	24/02/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.25	8.55	8.40	7.20	Hóa
274	104274	LÊ TUẤN KIẾT	19/09/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.00	5.80	7.00	4.25	Văn
275	104275	NGUYỄN NHÂN KIẾT	11/04/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.00	9.05	9.40	5.00	Toán
276	104276	NGUYỄN TUẤN KIẾT	23/03/1010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	9.00	9.50	9.40	7.25	Toán
277	104277	TRẦN ANH KỶ	14/10/2009	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.75	6.90	8.80	4.70	Anh
278	104278	VÕ HIẾU KỶ	28/02/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.75	8.70	7.40	8.50	Lý
279	104279	PHAN CÁT LAM	14/12/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.50	5.90	4.00	3.75	Văn
280	104280	HOÀNG BẢO LÂM	06/09/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.25	9.50	6.60	7.68	Hóa
281	104281	HỒ TÙNG LÂM	17/05/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.50	9.80	9.60	7.10	Anh
282	104282	LÊ SƠN LÂM	27/02/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.25	6.05	6.80	1.25	Lý
283	104283	NGUYỄN BÁ LÂM	15/03/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.00	8.30	5.80	3.75	Toán
284	104284	PHẠM HOÀNG LÂM	29/08/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.00	8.00	6.80	4.75	Toán
285	104285	PHAN LÊ THANH LÂM	10/01/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.50	8.30	8.00	4.00	Toán
286	104286	TRẦN LÊ TUỆ LÂM	18/03/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.25	8.25	8.80	6.45	Anh
287	104287	VŨ HOÀNG LÂM	22/09/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	4.50	7.25	2.80	1.50	Lý
288	104288	VŨ HOÀNG LÂM	28/08/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	5.50	8.80	6.00	5.93	Hóa
289	104289	ĐỖ THỊ MAI LAN	22/07/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.75	9.25	8.60	8.25	Toán
290	104290	NGUYỄN NHẬT LAN	25/06/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.75	5.35	7.00	5.25	Địa lý
291	104291	BÙI THANH LIÊM	18/04/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	4.00	6.60	8.80	2.60	Anh
292	104292	ĐỖ BÁ NHẬT LINH	21/10/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.00	7.65	7.00	2.25	Lý
293	104293	ĐỖ PHƯƠNG LINH	19/03/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.00	7.00	5.40	3.25	Địa lý
294	104294	LẠI PHƯƠNG LINH	25/12/2009	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	5.00	6.70	3.40	4.50	Sinh
295	104295	LÊ NGỌC LINH	29/11/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.00	8.30	9.60	5.60	Anh

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường thi	Điểm 3 môn thi chung			Môn chuyên	
					Văn	Toán	Tiếng Anh	Điểm	Môn chuyên
296	104296	LÊ NGUYỄN KHÁNH LINH	24/12/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	5.50	7.75	8.00	4.75	Sinh
297	104297	MAI PHƯƠNG LINH	08/04/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.00	6.55	9.00	3.00	Toán
298	104298	NGUYỄN GIA LINH	18/05/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.50	8.00	8.80	2.85	Anh
299	104299	NGUYỄN LÊ HÀ LINH	21/05/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.00	8.45	10.00	8.25	Anh
300	104300	NGUYỄN MAI LINH	10/07/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.50	4.90	4.20	7.00	Văn
301	104301	NGUYỄN NHẬT LINH	14/08/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.50	7.75	8.60	7.58	Hóa
302	104302	NGUYỄN THỊ THỦY LINH	26/08/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.00	5.45	5.80	0.25	Địa lý
303	104303	NGUYỄN THỊ THUỖ LINH	22/09/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.00	6.05	7.40	7.25	Văn
304	104304	NGUYỄN THỦY LINH	29/05/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.50	6.65	8.20	4.88	Sinh
305	104305	NGUYỄN TRẦN GIA LINH	16/09/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.75	5.00	3.20	6.00	Địa lý
306	104306	PHAN TRẦN MỸ LINH	26/02/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.50	4.90	2.60	3.50	Địa lý
307	104307	THIỀU ÁI LINH	17/09/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.75	10.00	10.00	8.00	Toán
308	104308	TRẦN KHÁNH LINH	26/10/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.00	7.40	8.00	5.50	Văn
309	104309	TRƯỜNG THỊ MỸ LINH	20/01/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.75	7.70	8.80	5.00	Văn
310	104310	VI THỊ HUYỀN LINH	16/11/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	5.50	7.20	4.40	3.00	Sinh
311	104311	VÕ NGỌC THỰC LINH	10/08/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.75	7.30	8.20	7.25	Văn
312	104312	VŨ TRẦN BẢO LINH	19/11/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.50	7.25	6.60	4.00	Toán
313	104313	NGÔ THỊ KIM LOAN	20/10/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.50	8.10	7.40	3.38	Hóa
314	104314	LÊ VĂN LỘC	12/03/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.25	3.50	5.20	7.50	Lịch sử
315	104315	NGUYỄN CÔNG LỘC	08/02/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.25	8.20	7.20	6.80	Hóa
316	104316	NGUYỄN PHƯỚC LỘC	06/03/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.75	7.80	5.80	5.75	Tin
317	104317	HÀ NGUYỄN BẢO LONG	22/10/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.50	5.65	6.80	3.25	Lý
318	104318	LÊ NGUYỄN BẢO LONG	01/06/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.25	7.60	8.00	4.75	Toán
319	104319	NGUYỄN THANH LONG	05/11/2009	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.00	8.10	7.40	3.50	Toán
320	104320	THÁI HOÀNG LONG	29/08/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.00	8.05	4.60	5.00	Toán
321	104321	TRỊNH NGÔ ĐỨC LONG	09/01/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.75	8.70	8.40	9.20	Tin
322	104322	VÕ HOÀNG LONG	01/08/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.00	7.15	7.60	7.83	Hóa
323	104323	NGUYỄN THỊ HIỀN LƯƠNG	14/05/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.75	8.50	9.00	4.20	Hóa
324	104324	BÙI THỊ LY LY	28/05/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.50	7.65	8.20	8.28	Hóa
325	104325	NGUYỄN KHÁNH LY	05/06/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.50	4.40	5.60	3.50	Lịch sử
326	104326	NGUYỄN THỊ KHÁNH LY	13/04/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.75	6.60	4.00	5.75	Lịch sử
327	104327	NGUYỄN THỊ TRÚC LY	22/02/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.50	5.00	5.20	7.00	Văn
328	104328	PHẠM KHÁNH LY	22/11/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.50	5.55	6.00	4.75	Văn

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường thi	Điểm 3 môn thi chung			Môn chuyên	
					Văn	Toán	Tiếng Anh	Điểm	Môn chuyên
329	104329	MAI KHÁNH LY	14/03/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.50	3.60	4.00	5.00	Văn
330	104330	PHẠM NGUYỄN MAI	11/02/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.50	9.05	9.80	6.80	Anh
331	104331	SỬ NGỌC QUỲNH MAI	15/10/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.50	8.75	9.40	5.75	Tin
332	104332	ĐỖ ĐỨC MẠNH	31/08/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.75	8.80	8.00	7.25	Toán
333	104333	VÕ ĐÌNH CÔNG MẠNH	02/08/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.25	7.05	6.80	1.50	Lý
334	104334	CÙ HOÀNG TẤN MINH	17/12/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.25	5.90	9.20	3.85	Hóa
335	104335	NGUYỄN HOÀNG MINH	18/10/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.50	4.15	8.40	3.65	Anh
336	104336	NGUYỄN HỒNG MINH	27/10/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.50	7.10	9.40	3.70	Anh
337	104337	NGUYỄN QUANG MINH	12/12/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.00	8.30	6.20	7.00	Lịch sử
338	104338	NGUYỄN VÕ HỒNG MINH	01/09/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.00	7.05	8.00	5.75	Văn
339	104339	PHAN NHẬT MINH	24/02/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.00	9.05	8.60	8.00	Lý
340	104340	TẠ NGỌC MINH	24/06/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.25	8.60	7.40	7.50	Toán
341	104341	TRẦN CHÍ MINH	02/02/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.25	8.00	7.60	2.50	Toán
342	104342	TRẦN SỸ MINH	08/12/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.25	9.80	10.00	8.75	Toán
343	104343	VŨ GIA MINH	22/12/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.00	6.60	6.80	0.50	Địa lý
344	104344	VŨ NGUYỄN ANH MINH	17/05/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.50	7.20	6.80	2.00	Địa lý
345	104345	LÊ THỊ MINH THU	21/09/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.50	8.55	7.60	6.25	Lý
346	104346	CHÊ THỊ MY	04/07/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.25	9.30	8.60	6.78	Hóa
347	104347	ĐỒNG THỊ THUỖ MY	21/10/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	5.75	4.35	5.60	2.25	Địa lý
348	104348	HOÀNG KIM NGỌC MY	29/03/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.25	8.20	9.40	4.00	Anh
349	104349	HOÀNG NGUYỄN THẢO MY	17/10/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.00	5.00	8.80	3.75	Lịch sử
350	104350	HUỲNH LÊ THẢO MY	29/04/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.00	8.70	8.40	6.00	Văn
351	104351	NGUYỄN NGỌC YẾN MY	13/08/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.75	3.95	4.80	5.50	Văn
352	104352	NGUYỄN THỊ THẢO MY	22/08/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.50	6.70	7.40	7.00	Lịch sử
353	104353	NGUYỄN TRÀ MY	08/10/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.00	7.55	8.60	4.45	Anh
354	104354	TRẦN NGỌC DIỄM MY	25/07/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.50	7.20	5.80	6.00	Văn
355	104355	TRƯƠNG TRÀ MY	09/07/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.50	9.20	6.00	4.50	Toán
356	104356	LÊ AN NA	25/03/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	5.00	5.25	5.20	2.75	Lịch sử
357	104357	PHẠM AN NA	14/06/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.25	8.55	9.40	5.00	Văn
358	104358	TRỊNH ANH LY NA	08/01/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.75	8.25	9.20	5.00	Anh
359	104359	NGUYỄN TRẦN NHẬT NAM	13/05/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	5.75	8.35	5.00	2.00	Toán
360	104360	PHẠM HỮU NAM	25/02/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.00	8.00	8.00	5.00	Toán
361	104361	TRẦN NGUYỄN HOÀNG NAM	13/05/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.25	7.55	6.40	7.75	Lịch sử

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường thi	Điểm 3 môn thi chung			Môn chuyên	
					Văn	Toán	Tiếng Anh	Điểm	Môn chuyên
362	104362	VŨ ĐỨC NAM	01/04/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.75	9.30	6.00	7.55	Tin
363	104363	PHAN THỊ NGÀ	28/10/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.25	9.30	10.00	6.25	Anh
364	104364	TRƯƠNG THỊ PHƯƠNG NGÀ	22/12/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.50	5.35	4.40	5.25	Lịch sử
365	104365	CÙ THỊ KIM NGÂN	19/01/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.75	7.70	6.60	2.80	Hóa
366	104366	DOÃN THỊ KIM NGÂN	06/02/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.00	7.40	5.20	6.75	Văn
367	104367	NGUYỄN KIM NGÂN	12/05/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.75	8.70	8.60	4.75	Toán
368	104368	PHAN THU NGÂN	30/06/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.25	8.55	8.80	6.88	Sinh
369	104369	TRỊNH THỊ KIM NGÂN	16/08/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.00	6.90	5.80	6.75	Văn
370	104370	TRẦN NGHỊ	23/03/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	5.75	8.80	5.80	4.50	Toán
371	104371	CAO VĂN NGHĨA	19/11/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	5.50	6.75	7.20	5.00	Lịch sử
372	104372	ĐỖ THỊ BẢO NGỌC	17/10/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.50	6.25	7.20	6.50	Địa lý
373	104373	DƯƠNG NGUYỄN BẢO NGỌC	19/02/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	5.75	5.25	4.40	3.00	Văn
374	104374	HỒ NHƯ NGỌC	21/07/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.00	6.55	7.60	7.75	Văn
375	104375	HUỲNH THẢO NGỌC	10/04/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.00	7.30	5.80	4.50	Văn
376	104376	NGÔ HOÀNG KHÁNH NGỌC	19/06/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	9.00	9.80	10.00	7.50	Toán
377	104377	NGÔ THỊ BÍCH NGỌC	04/05/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.25	3.20	3.60	6.25	Văn
378	104378	NGUYỄN BÍCH NGỌC	21/11/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.00	7.15	6.40	4.75	Lịch sử
379	104379	NGUYỄN LƯƠNG LINH NGỌC	20/09/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.00	9.80	9.20	8.25	Toán
380	104380	NGUYỄN PHẠM BẢO NGỌC	24/01/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.00	9.10	8.60	3.50	Lý
381	104381	NGUYỄN PHƯƠNG BẢO NGỌC	18/06/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.50	7.90	8.80	4.50	Sinh
382	104382	NGUYỄN TRẦN BẢO NGỌC	04/03/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.50	8.25	7.20	6.83	Hóa
383	104383	TRẦN THỊ KHÁNH NGỌC	16/10/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.50	3.05	4.60	5.75	Văn
384	104384	TRẦN VÕ ÁNH NGỌC	24/08/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.50	6.00	6.00	5.00	Lý
385	104385	VŨ BẢO NGỌC	02/10/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.00	4.55	4.40	5.25	Văn
386	104386	BÙI TRỌNG NGUYỄN	08/09/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.75	7.30	8.20	4.25	Tin
387	104387	ĐOÀN VĂN NGUYỄN	13/09/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	4.75	6.00	5.00	1.50	Lý
388	104388	ĐỖ NGUYỄN THẢO NGUYỄN	12/02/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.50	8.55	9.60	5.55	Anh
389	104389	ĐỖ Y NGUYỄN	21/03/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.50	9.60	9.80	6.38	Sinh
390	104390	DƯƠNG PHÚ LÊ NGUYỄN	01/01/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.25	9.10	8.60	4.10	Anh
391	104391	HỒ THỊ THẢO NGUYỄN	22/01/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.00	9.10	8.60	4.50	Văn
392	104392	LÊ NGỌC NGUYỄN	03/11/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	9.00	9.05	6.00	5.00	Toán
393	104393	LÊ NGUYỄN NAM NGUYỄN	21/01/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.50	5.70	7.40	1.00	Toán
394	104394	NGUYỄN KHÔI NGUYỄN	11/07/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.75	8.50	8.80	7.50	Toán

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường thi	Điểm 3 môn thi chung			Môn chuyên	
					Văn	Toán	Tiếng Anh	Điểm	Môn chuyên
395	104395	NGUYỄN NAM NGUYỄN	24/02/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.00	6.25	6.20	6.05	Tin
396	104396	NGUYỄN THÁI NGUYỄN	10/03/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.00	7.55	4.40	1.00	Toán
397	104397	NGUYỄN THẢO NGUYỄN	02/09/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.00	8.20	9.80	6.65	Anh
398	104398	NGUYỄN THỊ THẢO NGUYỄN	28/09/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.00	7.65	8.60	2.25	Toán
399	104399	PHAN TRUNG NGUYỄN	29/09/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.25	9.00	9.80	4.45	Anh
400	104400	TRẦN THẢO NGUYỄN	14/08/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.50	7.85	10.00	7.00	Anh
401	104401	TRẦN VĂN NGUYỄN	13/02/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	5.75	5.35	4.60	8.00	Lịch sử
402	104402	TRẦN VŨ HOÀNG NGUYỄN	30/10/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	5.00	6.40	6.00	0.50	Địa lý
403	104403	TRỊNH NGUYỄN HOÀNG NGUYỄN	31/08/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.50	8.55	7.40	5.25	Toán
404	104404	TRỊNH TRUNG NGUYỄN	29/05/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.50	8.15	8.00	5.88	Hóa
405	104405	VÕ TRỊNH MINH NGUYỄN	14/03/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.50	9.50	8.60	5.75	Toán
406	104406	VŨ THẢO NGUYỄN	01/01/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.50	7.85	6.20	2.50	Sinh
407	104407	LÊ NHẬT NGUYỆT	20/03/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.00	10.00	9.60	8.00	Toán
408	104408	NGUYỄN MINH NGUYỆT	30/01/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	9.00	8.00	8.00	1.00	Toán
409	104409	NGUYỄN THỊ ÁNH NGUYỆT	30/01/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.00	7.15	7.80	8.50	Lịch sử
410	104410	NGUYỄN THỊ MINH NGUYỆT	17/09/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.50	7.60	6.00	5.75	Văn
411	104411	TRẦN PHẠM ÁNH NGUYỆT	06/11/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.50	6.40	8.00	6.25	Văn
412	104412	LÊ THỊ THANH NHÀN	25/03/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.50	8.00	10.00	5.20	Anh
413	104413	NGUYỄN PHƯƠNG NHÀN	25/08/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.00	7.55	9.00	4.25	Toán
414	104414	NGUYỄN HỮU NHÂN	07/10/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.00	7.75	3.20	4.75	Văn
415	104415	LÊ THÁI NHẬT	04/06/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	5.75	6.60	5.20	1.00	Toán
416	104416	NGUYỄN DỊCH LONG NHẬT	20/01/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.50	5.45	8.20	4.00	Văn
417	104417	NGUYỄN DUY NHẬT	22/01/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	5.75	8.85	4.40	2.75	Tin
418	104418	NGUYỄN VIỆT NHẬT	01/05/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.25	9.05	8.80	3.55	Tin
419	104419	NGUYỄN XUÂN QUANG NHẬT	03/01/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.75	5.35	8.40	1.25	Sinh
420	104420	CÙ THỊ UYÊN NHI	04/11/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.50	8.55	10.00	5.00	Anh
421	104421	ĐẶNG THỊ KIỀU NHI	06/01/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	Vắng thi	Vắng thi	Vắng thi	Vắng thi	Văn
422	104422	ĐINH THỊ THẢO NHI	30/04/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.00	4.65	3.20	4.00	Văn
423	104423	LÊ TRẦN ĐÔNG NHI	13/10/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.25	6.95	8.80	6.05	Tin
424	104424	MAI THỊ YẾN NHI	28/03/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.00	3.75	4.40	4.50	Lịch sử
425	104425	NGUYỄN HỒNG THẢO NHI	23/02/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.50	7.90	9.80	5.10	Anh
426	104426	NGUYỄN NGỌC UYÊN NHI	17/10/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.25	9.35	7.40	2.25	Toán
427	104427	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	12/12/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.75	5.20	6.00	3.75	Sinh

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường thi	Điểm 3 môn thi chung			Môn chuyên	
					Văn	Toán	Tiếng Anh	Điểm	Môn chuyên
428	104428	NGUYỄN TỔ NHI	25/09/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.50	5.15	4.00	3.00	Lịch sử
429	104429	NGUYỄN UYÊN NHI	01/01/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.00	7.10	10.00	6.15	Anh
430	104430	PHẠM ĐẶNG TUYẾT NHI	11/11/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	9.00	7.00	4.80	6.00	Văn
431	104431	PHẠM NGỌC LINH NHI	07/07/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.00	4.55	6.40	2.00	Địa lý
432	104432	PHAN THỊ LAN NHI	11/03/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.00	8.05	9.40	4.75	Toán
433	104433	BÙI KHÁNH NHU	03/04/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.50	5.40	3.20	2.25	Lý
434	104434	LÊ PHAN TÂM NHƯ	19/06/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.50	7.75	6.20	7.75	Lịch sử
435	104435	LÊ QUỲNH NHƯ	24/12/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.00	8.55	7.40	4.00	Toán
436	104436	LÊ THỊ TÂM NHƯ	13/05/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.50	9.30	8.60	5.50	Toán
437	104437	NGUYỄN HỒ QUỲNH NHƯ	21/05/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.00	6.25	6.80	4.75	Địa lý
438	104438	PHAN QUỲNH NHƯ	05/04/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.50	8.05	6.80	8.25	Văn
439	104439	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	11/06/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.75	4.50	7.20	6.00	Địa lý
440	104440	Y ÂN NIÊ SIÊNG	04/10/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.00	6.80	7.40	8.00	Lịch sử
441	104441	HÀ DIỆP LONG NỮ	03/02/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.75	8.15	6.80	4.00	Toán
442	104442	TRẦN NGUYỄN THẢO NY	15/08/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.50	9.30	10.00	8.70	Anh
443	104443	PHAN HỒ NGỌC OANH	06/01/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.25	5.15	5.40	6.00	Lịch sử
444	104444	BÙI TÂN PHÁT	27/07/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.00	7.65	7.00	3.75	Lý
445	104445	LÊ HÀ PHÁT	21/05/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.50	7.80	8.00	4.43	Hóa
446	104446	MAI TUÂN PHÁT	13/08/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.50	7.90	4.80	1.38	Hóa
447	104447	NGÔ ĐÌNH PHÁT	25/06/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.75	6.70	7.00	2.75	Lý
448	104448	NGUYỄN TÂN PHÁT	23/09/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.25	9.80	8.20	5.50	Toán
449	104449	NGUYỄN HOÀNG PHI	03/01/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.00	7.55	6.60	0.50	Địa lý
450	104450	NGHUYỄN HOÀNG KHAI PHỎ	20/04/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.25	4.20	6.40	6.00	Văn
451	104451	HOÀNG VŨ QUỐC PHONG	06/07/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.75	3.60	6.80	6.50	Địa lý
452	104452	NGÔ ĐỨC THANH PHONG	26/02/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.50	7.65	3.20	2.75	Toán
453	104453	NGUYỄN ĐÌNH PHONG	11/08/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.50	7.10	4.80	3.75	Lý
454	104454	NGUYỄN GIA PHONG	13/05/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.70	4.70	5.60	0.73	Hóa
455	104455	NGUYỄN HOÀNG PHONG	27/01/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.00	8.40	9.80	5.85	Anh
456	104456	NGUYỄN THÁI PHONG	16/08/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.00	7.35	5.80	5.00	Lý
457	104457	BÙI VĂN HOÀNG PHÚC	27/06/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	5.50	7.55	7.00	2.13	Sinh
458	104458	ĐỖ HỒNG PHÚC	06/06/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.75	7.10	7.40	7.75	Văn
459	104459	NGUYỄN PHƯỚC PHÚC	24/01/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.50	9.00	7.60	7.00	Toán
460	104460	NGUYỄN NGHIÊM THÀNH PHƯỚC	30/11/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.00	8.55	10.00	7.85	Anh

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường thi	Điểm 3 môn thi chung			Môn chuyên	
					Văn	Toán	Tiếng Anh	Điểm	Môn chuyên
461	104461	TRẦN MỸ PHƯỚC	20/10/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.00	8.40	7.40	5.75	Lý
462	104462	BÙI LÊ UYÊN PHƯƠNG	12/02/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.25	3.65	2.60	0.75	Địa lý
463	104463	ĐẶNG LÊ UYÊN PHƯƠNG	12/09/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.25	4.20	6.60	4.50	Văn
464	104464	HOÀNG QUẢNG PHƯƠNG	11/08/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.25	5.65	3.40	6.00	Lịch sử
465	104465	NGUYỄN MAI PHƯƠNG	03/07/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.50	6.10	8.80	2.73	Hóa
466	104466	NGUYỄN THỊ DIỄM PHƯƠNG	13/05/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.50	9.55	8.40	7.00	Toán
467	104467	NGUYỄN THỊ MINH PHƯƠNG	18/02/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.25	8.15	10.00	7.50	Anh
468	104468	TỔNG HOÀNG MINH PHƯƠNG	21/06/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.00	7.05	5.00	3.43	Hóa
469	104469	VŨ NGỌC ANH PHƯƠNG	04/06/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.50	10.00	9.20	9.00	Toán
470	104470	VŨ THỊ KHÁNH PHƯƠNG	11/09/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.00	6.00	4.20	1.60	Hóa
471	104471	BÀN THỊ THU PHƯỢNG	03/11/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.00	7.30	8.20	3.75	Lý
472	104472	ĐỖ HOÀNG QUÂN	23/05/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.50	9.05	9.80	6.05	Anh
473	104473	NGUYỄN ĐÌNH MINH QUÂN	07/12/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.75	10.00	9.40	8.50	Toán
474	104474	NGUYỄN HOÀNG QUÂN	24/08/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.00	8.90	8.60	8.00	Toán
475	104475	NGUYỄN MINH QUÂN	14/04/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.00	6.40	3.20	1.25	Toán
476	104476	TRẦN ANH QUÂN	28/05/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.25	7.95	8.00	5.80	Tin
477	104477	NGUYỄN SỸ QUANG	23/04/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.50	8.85	10.00	8.05	Anh
478	104478	NGUYỄN THẾ QUANG	11/12/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.00	6.20	8.40	4.00	Tin
479	104479	PHẠM BÁ QUÝ	03/02/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.00	7.00	9.00	8.33	Hóa
480	104480	BÙI ÁNH QUYÊN	02/05/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.50	5.50	3.60	4.25	Văn
481	104481	NGUYỄN HOÀNG TÚ QUYÊN	11/01/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	9.00	6.25	5.40	6.75	Văn
482	104482	NGUYỄN LÊ DIỄM QUYÊN	09/09/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.75	7.95	9.00	4.75	Văn
483	104483	NGUYỄN THỰC QUYÊN	29/05/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.50	7.35	5.60	6.25	Văn
484	104484	PHẠM HOÀI BẢO QUYÊN	25/07/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.75	3.30	4.80	4.25	Văn
485	104485	VŨ THẢO QUYÊN	17/07/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.25	6.60	8.20	7.50	Văn
486	104486	NGUYỄN VĂN QUYÊN	26/12/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	5.50	8.60	6.60	2.00	Toán
487	104487	TRẦN ĐÌNH QUYÊN	05/08/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.75	8.30	8.40	8.00	Hóa
488	104488	BÙI LÊ NHƯ QUỲNH	12/01/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.75	6.95	6.60	5.50	Văn
489	104489	HOÀNG NGUYỄN NHƯ QUỲNH	25/09/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.00	5.80	7.00	6.50	Văn
490	104490	HỒ THỊ BẢO NGỌC NHƯ QUỲNH	10/11/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.25	7.25	4.60	4.75	Văn
491	104491	PHÍ THỊ PHƯƠNG QUỲNH	14/01/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.00	5.60	4.60	4.00	Văn
492	104492	TRẦN NHƯ QUỲNH	19/01/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.50	7.55	7.20	4.25	Sinh
493	104493	NGUYỄN HẠNH SAN	28/05/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.50	7.80	7.60	7.75	Văn

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường thi	Điểm 3 môn thi chung			Môn chuyên	
					Văn	Toán	Tiếng Anh	Điểm	Môn chuyên
494	104494	NGUYỄN ĐỨC SANG	08/06/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.50	6.20	8.40	4.75	Địa lý
495	104495	NGUYỄN TÂN SANG	04/07/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.25	7.75	4.20	7.70	Tin
496	104496	TRẦN CAO SANG	13/08/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.25	7.60	6.00	5.70	Hóa
497	104497	TRẦN THẾ SANG	11/08/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	5.50	6.20	5.80	3.25	Tin
498	104498	TRIỆU MÙI SÉNH	14/02/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.00	3.95	3.20	8.50	Lịch sử
499	104499	ĐẶNG SIU ANH SƠN	03/05/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.00	8.85	7.80	3.00	Lý
500	104500	LÊ QUANG SƠN	29/07/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.50	8.30	8.40	7.15	Hóa
501	104501	NGUYỄN ĐỨC THÁI SƠN	22/08/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.75	9.20	9.40	6.75	Anh
502	104502	NGUYỄN VĂN SỸ	05/01/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.00	5.75	4.40	6.25	Lịch sử
503	104503	PHAN HỮU ANH TÀI	19/06/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	5.50	6.40	3.60	3.00	Lịch sử
504	104504	TÔ VĨNH TÀI	31/08/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.50	8.50	9.80	7.20	Anh
505	104505	HOÀNG ĐỨC TÂM	26/01/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.75	7.65	8.20	2.68	Hóa
506	104506	MAI NGUYỄN THẢO TÂM	09/03/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.75	6.45	6.00	5.00	Văn
507	104507	NGUYỄN MINH TÂM	05/11/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.00	4.75	9.00	3.55	Anh
508	104508	PHẠM THỊ THANH TÂM	02/08/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.75	8.85	8.80	6.75	Địa lý
509	104509	TÔ THANH TÂM	16/09/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	5.25	5.10	3.20	2.25	Lịch sử
510	104510	TRẦN HUỆ TÂM	20/07/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.50	6.10	5.20	1.75	Địa lý
511	104511	HÀ HÙNG MINH TÂN	14/06/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.00	8.20	9.20	4.75	Văn
512	104512	ĐẶNG BÁ THẠCH	10/10/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.50	6.40	9.00	4.75	Tin
513	104513	ĐẬU NGỌC THẠCH	31/05/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.75	8.60	9.40	7.70	Tin
514	104514	ĐÀO HUỲNH THẮNG	16/10/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	5.50	6.75	6.80	0.75	Toán
515	104515	HUỲNH VÕ DUY THẮNG	12/02/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.50	8.55	9.00	5.75	Toán
516	104516	NGUYỄN NGỌC THIÊN THANH	04/08/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.75	4.80	5.80	5.25	Địa lý
517	104517	HOÀNG THÀNH	11/01/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.75	9.50	10.00	9.25	Hóa
518	104518	HOÀNG MINH THÀNH	04/01/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.25	9.40	7.40	8.00	Lý
519	104519	LÊ TIẾN THÀNH	27/07/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.00	7.60	4.40	3.25	Toán
520	104520	LÊ TRƯỜNG THÀNH	02/03/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.75	8.20	7.40	4.63	Sinh
521	104521	NGUYỄN CHÍ THÀNH	26/10/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.00	6.35	9.40	6.95	Anh
522	104522	NGUYỄN SƯƠNG HẢI THÀNH	23/01/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.50	8.90	8.80	5.25	Hóa
523	104523	PHẠM XUÂN THÀNH	03/10/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.50	8.55	5.60	2.00	Toán
524	104524	TRẦN HỮU THÀNH	28/07/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.00	10.00	8.80	8.75	Toán
525	104525	TRẦN NGỌC TUẤN THÀNH	03/03/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.25	9.20	8.60	6.50	Toán
526	104526	TRƯƠNG VĂN THÀNH	05/10/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.75	8.75	8.20	9.00	Lý

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường thi	Điểm 3 môn thi chung			Môn chuyên	
					Văn	Toán	Tiếng Anh	Điểm	Môn chuyên
527	104527	VÕ XUÂN THÀNH	21/07/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.25	7.30	7.20	2.40	Anh
528	104528	TRẦN NGUYỄN THÀNH HƯNG	16/10/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.25	7.95	5.00	2.30	Hóa
529	104529	CHU NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	25/05/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.50	8.70	9.20	3.45	Anh
530	104530	ĐINH THỊ THU THẢO	21/05/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.50	7.60	8.00	3.35	Hóa
531	104531	ĐOÀN THỊ PHƯƠNG THẢO	20/07/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.75	6.85	3.60	5.00	Địa lý
532	104532	ĐỖ PHƯƠNG THẢO	08/06/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.25	9.50	8.20	4.50	Toán
533	104533	LÊ HUỲNH THANH THẢO	06/09/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.25	4.45	3.00	4.25	Văn
534	104534	LÊ NGỌC NGUYỄN THẢO	20/01/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.50	7.50	8.20	3.25	Toán
535	104535	LÊ THỊ ÁI THẢO	06/05/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.25	9.35	9.80	6.00	Anh
536	104536	LÊ THỊ PHƯƠNG THẢO	23/04/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.50	9.10	9.00	5.50	Văn
537	104537	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	13/05/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.75	9.20	9.40	5.65	Anh
538	104538	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	31/05/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.75	5.70	6.60	2.00	Sinh
539	104539	PHẠM PHƯƠNG THẢO	05/08/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.50	7.45	9.00	2.20	Anh
540	104540	LƯƠNG HÀ BẢO THỊ	07/06/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.00	4.05	4.80	4.25	Văn
541	104541	NGUYỄN ĐOÀN KHÁNH THỊ	05/08/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.25	7.80	8.20	2.95	Anh
542	104542	PHẠM KHÁNH THỊ	25/08/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	9.00	6.45	7.80	7.75	Văn
543	104543	ĐƯỜNG HỒNG THIÊN	16/02/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.50	6.55	6.60	6.50	Lịch sử
544	104544	HỒ NGUYỄN HUY THỊNH	04/02/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.25	7.10	5.80	3.75	Toán
545	104545	NGUYỄN ĐĂNG THỊNH	21/06/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.50	6.35	6.80	4.75	Lý
546	104546	NGUYỄN HOÀNG AN THỊNH	09/04/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.25	5.10	6.20	6.25	Văn
547	104547	NGUYỄN HOÀNG DIỆU THOA	03/02/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.00	9.00	7.80	6.38	Sinh
548	104548	PHAN MINH THÔNG	28/11/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.50	4.85	6.00	0.63	Hóa
549	104549	LÊ THỊ MAI THU	12/01/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.00	7.15	8.20	5.50	Tin
550	104550	NGÔ BỘI THU	05/08/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.75	5.10	4.60	6.25	Văn
551	104551	ĐẶNG THỊ ANH THU	26/06/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.75	7.45	8.80	7.50	Địa lý
552	104552	ĐÀO THỊ MINH THU	13/04/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	9.00	6.95	3.20	5.50	Văn
553	104553	ĐOÀN THỊ ANH THU	04/01/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.75	7.60	5.60	4.25	Văn
554	104554	HÀ THỊ ANH THU	02/11/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.00	6.35	9.20	3.00	Địa lý
555	104555	LÊ THỊ ANH THU	13/03/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.00	7.65	7.00	5.00	Địa lý
556	104556	NGÔ ANH THU	06/03/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.50	5.10	3.20	6.50	Lịch sử
557	104557	NGUYỄN ĐỖ ANH THU	07/04/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	9.00	8.00	7.80	6.05	Tin
558	104558	NGUYỄN MINH THU	22/04/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.00	4.95	5.60	6.50	Văn
559	104559	NGUYỄN SONG THU	23/05/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.75	7.50	7.00	5.38	Sinh

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường thi	Điểm 3 môn thi chung			Môn chuyên	
					Văn	Toán	Tiếng Anh	Điểm	Môn chuyên
560	104560	NGUYỄN THỊ ANH THU	14/04/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.00	8.05	8.20	5.25	Văn
561	104561	NGUYỄN THỊ ANH THU	21/10/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.00	8.35	8.40	3.00	Lịch sử
562	104562	PHẠM NGỌC ANH THU	14/12/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.50	5.75	6.60	6.75	Văn
563	104563	PHẠM THỊ ANH THU	12/08/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.50	6.10	7.00	2.75	Địa lý
564	104564	TRẦN THỊ ANH THU	26/01/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.75	8.15	8.60	5.50	Lý
565	104565	TRẦN THỊ ANH THU	25/04/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.75	5.65	3.60	3.38	Sinh
566	104566	VƯƠNG ĐẶNG ANH THU	06/01/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.75	8.25	9.40	5.00	Sinh
567	104567	ĐINH CÔNG THUẬN	16/05/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.50	3.60	3.60	3.00	Văn
568	104568	HOÀNG THỊ MỸ THUẬN	12/01/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.00	7.35	5.20	7.00	Lịch sử
569	104569	NGUYỄN THỊ HOÀI THƯƠNG	20/11/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.50	3.90	7.00	2.50	Lịch sử
570	104570	PHAN THỊ HOÀI THƯƠNG	01/10/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.00	6.70	7.60	7.50	Văn
571	104571	ĐOÀN BÙI PHƯƠNG THÚY	18/08/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.75	6.45	8.20	2.95	Hóa
572	104572	NGUYỄN PHƯƠNG THÚY	02/02/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.50	3.20	5.60	5.75	Văn
573	104573	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THÚY	25/10/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.50	7.40	8.00	2.75	Lý
574	104574	TRẦN LÊ PHƯƠNG THÚY	16/03/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.50	7.25	6.60	3.73	Hóa
575	104575	NGUYỄN THỊ THANH THỦY	05/08/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.50	6.50	5.80	1.50	Địa lý
576	104576	TRẦN THỊ THANH THỦY	09/12/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.50	7.30	8.20	7.75	Văn
577	104577	NGUYỄN THANH THỦY	01/07/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.25	7.80	7.00	6.00	Toán
578	104578	LÊ THỊ THỦY TIỀN	07/02/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.25	8.35	7.80	5.25	Văn
579	104579	ĐẶNG TRẦN TIỀN	08/03/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.75	8.10	7.00	2.43	Hóa
580	104580	ĐỖ MINH TIỀN	24/01/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.25	8.05	8.20	9.00	Toán
581	104581	HOÀNG XUÂN TIỀN	22/03/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.00	7.80	8.40	5.75	Sinh
582	104582	LÊ MINH TIỀN	12/02/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.00	5.20	5.60	4.00	Địa lý
583	104583	NGUYỄN VIỆT TIỀN	05/04/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.25	7.60	7.60	6.88	Hóa
584	104584	PHAN ANH TIỀN	03/05/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.50	9.40	9.60	5.50	Toán
585	104585	TRẦN NAM TIỀN	15/03/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.50	8.95	7.40	4.00	Lý
586	104586	TRẦN QUỐC TIỀN	16/09/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.25	9.60	8.80	4.25	Toán
587	104587	VŨ ĐẠI TIỀN	13/01/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.00	8.25	9.80	8.00	Lịch sử
588	104588	NGUYỄN KHÁNH TOÀN	01/01/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.50	7.05	8.20	6.08	Tin
589	104589	TRẦN ĐÌNH TOÀN	01/01/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.00	8.40	8.00	5.50	Hóa
590	104590	HOÀNG TÓNG THANH TRÀ	09/10/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.25	8.05	8.20	7.00	Văn
591	104591	LÊ QUỲNH TRÂM	12/02/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.00	6.70	7.20	4.50	Địa lý
592	104592	LÝ ĐẶNG THỦY TRÂM	28/05/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.00	7.10	5.00	2.95	Hóa

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường thi	Điểm 3 môn thi chung			Môn chuyên	
					Văn	Toán	Tiếng Anh	Điểm	Môn chuyên
593	104593	NGÔ NGỌC BẢO TRÂM	04/10/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.50	8.80	6.60	3.50	Toán
594	104594	NGÔ TRỊNH THUY TRÂM	26/02/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.75	8.55	8.60	2.50	Toán
595	104595	NGUYỄN LƯƠNG BẢO TRÂM	29/01/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.00	4.10	7.00	4.25	Lịch sử
596	104596	NGUYỄN THỊ BẢO TRÂM	31/08/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.25	7.60	5.20	4.75	Văn
597	104597	NGUYỄN THỊ THUY TRÂM	28/05/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.50	7.25	8.60	6.25	Văn
598	104598	PHẠM QUỲNH TRÂM	06/03/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.75	8.30	6.80	6.88	Sinh
599	104599	VÕ HOÀNG BÍCH TRÂM	09/08/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.50	5.35	5.40	6.75	Văn
600	104600	VŨ NGOC BẢO TRÂM	09/09/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.75	6.15	7.40	4.75	Địa lý
601	104601	VŨ THỊ NGỌC TRÂM	17/10/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.00	5.10	5.20	5.25	Văn
602	104602	NGUYỄN HOÀNG TRÂM ANH	19/06/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.75	4.65	6.00	1.50	Địa lý
603	104603	CAO THỊ HUYỀN TRÂN	06/01/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.25	8.60	8.40	3.75	Toán
604	104604	NGUYỄN HUYỀN TRÂN	16/05/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.50	9.30	9.40	3.50	Toán
605	104605	PHẠM HOÀNG BẢO TRÂN	12/04/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.25	6.20	3.20	5.75	Văn
606	104606	TẠ NGỌC BẢO TRÂN	04/03/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.50	4.25	6.80	1.50	Địa lý
607	104607	VI THỊ BẢO TRÂN	07/02/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.00	7.30	6.60	7.00	Văn
608	104608	BÙI THỊ THUY TRANG	12/12/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.00	5.85	5.40	3.25	Lịch sử
609	104609	ĐỖ THỊ HUYỀN TRANG	21/03/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.50	6.70	7.40	2.00	Sinh
610	104610	NGÔ THU TRANG	11/10/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.25	7.35	4.80	7.00	Lịch sử
611	104611	NGUYỄN NGỌC QUỲNH TRANG	02/01/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.00	7.30	7.20	8.63	Sinh
612	104612	LÊ XUÂN TRÍ	30/05/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.50	7.60	7.80	6.50	Lý
613	104613	TRẦN VĂN TRÍ	16/07/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.50	7.80	4.80	4.58	Hóa
614	104614	HOÀNG NGUYỄN KIỀU TRINH	19/10/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.50	5.65	5.40	7.00	Văn
615	104615	HOÀNG VIỆT TRINH	30/08/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.50	9.25	9.40	5.00	Toán
616	104616	LÊ KIỀU TRINH	15/05/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.25	8.10	8.80	2.35	Anh
617	104617	NGÔ THUY TRINH	23/06/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.50	5.25	4.00	4.25	Văn
618	104618	NGUYỄN BẢO TRINH	18/04/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.50	3.45	8.60	2.25	Lịch sử
619	104619	HỒ THỊ THANH TRÚC	04/01/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.50	8.60	7.60	5.25	Toán
620	104620	LÊ THỊ THANH TRÚC	01/01/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.50	6.75	8.40	5.00	Văn
621	104621	NGUYỄN MAI TRÚC	03/09/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.00	6.70	8.00	3.00	Anh
622	104622	LÊ QUÝ TRUNG	02/11/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.75	6.45	7.40	3.50	Lý
623	104623	LÊ THÀNH TRUNG	23/11/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.00	7.55	7.60	2.90	Hóa
624	104624	NGUYỄN HUY TRUNG	10/05/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.75	8.50	5.00	8.00	Hóa
625	104625	NGUYỄN QUANG TRUNG	26/12/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.00	9.30	7.80	6.00	Toán

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường thi	Điểm 3 môn thi chung			Môn chuyên	
					Văn	Toán	Tiếng Anh	Điểm	Môn chuyên
626	104626	NGUYỄN THÀNH TRUNG	07/06/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.00	8.90	7.60	0.75	Toán
627	104627	PHAN ĐỨC TRUNG	12/04/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.75	8.05	6.40	7.75	Lý
628	104628	ĐỖ XUÂN TRƯỜNG	17/08/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	5.50	5.15	5.60	2.75	Lịch sử
629	104629	HOÀNG VĂN TÚ	23/05/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.00	8.75	8.00	6.25	Toán
630	104630	LÊ TRỊNH CẨM TÚ	23/06/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.00	7.05	8.60	1.00	Toán
631	104631	ĐỖ LÊ ANH TUẤN	02/06/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.50	9.25	9.20	3.75	Toán
632	104632	LÊ TRẦN ANH TUẤN	17/02/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.50	9.05	10.00	8.45	Anh
633	104633	TRẦN ANH TUẤN	18/01/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.50	5.30	4.40	3.25	Văn
634	104634	VŨ ANH TUẤN	29/06/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.00	6.90	6.60	6.50	Lịch sử
635	104635	HỒ GIA TUỆ	20/02/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.25	7.95	6.40	2.25	Toán
636	104636	HOÀNG THANH TÙNG	05/12/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.50	7.80	9.40	4.25	Toán
637	104637	NGUYỄN ĐÌNH TÙNG	17/06/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.25	7.75	6.40	2.73	Hóa
638	104638	MAI THỊ KIM TƯỜNG	16/05/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.50	4.75	5.00	3.50	Địa lý
639	104639	VÕ VĂN TUYỀN	06/10/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.00	6.25	3.60	2.88	Sinh
640	104640	NGUYỄN KIM TUYỀN	19/09/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.00	4.00	6.40	4.75	Văn
641	104641	ĐOÀN THỊ THANH TUYỀN	19/01/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.50	8.80	5.80	3.25	Toán
642	104642	LÊ THỊ THANH TUYỀN	19/10/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.25	6.05	2.80	3.25	Địa lý
643	104643	LƯƠNG THỊ ÁNH TUYẾT	21/09/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.50	9.10	8.80	4.25	Lý
644	104644	TRỊNH HOÀNG MINH TUYẾT	01/08/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.00	2.75	2.80	4.50	Văn
645	104645	BÙI GIA UYÊN	31/01/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.75	8.10	7.20	4.88	Sinh
646	104646	BÙI PHAN NHÃ UYÊN	09/01/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	9.00	9.10	9.40	5.95	Anh
647	104647	ĐẶNG THỰC PHƯƠNG UYÊN	24/06/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.00	6.25	8.20	7.00	Văn
648	104648	ĐÀO HUYỀN THẢO UYÊN	30/01/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.25	7.35	6.00	3.63	Sinh
649	104649	ĐẬU HÀ TỎ UYÊN	15/07/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.00	5.75	7.20	6.50	Địa lý
650	104650	ĐOÀN NGUYỄN HOÀNG UYÊN	02/07/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.25	8.10	8.60	3.15	Anh
651	104651	HỒ NGUYỄN GIA UYÊN	06/09/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.75	3.70	4.40	3.50	Địa lý
652	104652	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG UYÊN	18/11/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.75	6.10	6.80	7.50	Văn
653	104653	NGUYỄN THU UYÊN	14/08/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.50	2.80	4.40	5.00	Văn
654	104654	PHẠM THỊ TÚ UYÊN	25/07/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.50	8.50	9.60	5.25	Anh
655	104655	LÊ THỊ THUYỀN	28/01/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.60	8.30	7.00	4.25	Địa lý
656	104656	NGUYỄN THẢO VÂN	06/08/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.00	7.45	6.80	7.50	Lịch sử
657	104657	TRẦN THUYỀN	19/12/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.50	5.95	4.80	3.25	Địa lý
658	104658	HỒ HIẾU VI	03/08/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.75	8.05	8.20	5.50	Lịch sử

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường thi	Điểm 3 môn thi chung			Môn chuyên	
					Văn	Toán	Tiếng Anh	Điểm	Môn chuyên
659	104659	NGUYỄN QUỐC VIỆT	26/02/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	5.25	6.75	6.00	2.75	Sinh
660	104660	CAO ĐÌNH VINH	04/04/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	5.75	8.55	4.00	1.75	Toán
661	104661	ĐÌNH QUANG VINH	28/03/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.75	6.95	6.80	6.75	Tin
662	104662	LỘC LÊ HOÀNG VINH	08/11/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.00	8.10	9.40	6.70	Anh
663	104663	TRẦN THỂ VINH	16/03/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.25	8.55	9.60	6.13	Sinh
664	104664	VŨ THÀNH VINH	08/02/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.75	8.00	4.80	3.25	Toán
665	104665	ĐẶNG THÀNH THIÊN VŨ	18/05/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	5.75	8.10	7.20	7.88	Sinh
666	104666	HOÀNG ANH VŨ	20/12/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	5.50	8.35	4.60	9.00	Lý
667	104667	LÊ ĐÌNH HUY VŨ	08/08/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.00	7.25	5.80	4.70	Hóa
668	104668	LÊ HOÀNG VŨ	06/02/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.50	7.10	9.60	7.70	Tin
669	104669	LÊ NGUYỄN PHONG VŨ	14/07/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.50	7.90	8.80	6.50	Văn
670	104670	NGUYỄN QUANG VŨ	29/12/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.25	8.30	9.80	6.50	Tin
671	104671	NGUYỄN VĂN NGUYỄN VŨ	05/07/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.25	6.20	8.00	1.25	Lý
672	104672	PHẠM MINH VŨ	27/10/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.25	6.85	6.60	3.00	Tin
673	104673	TRƯƠNG TUẤN VŨ	22/09/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.25	7.55	6.20	8.50	Địa lý
674	104674	VÕ HÀNG HẢI VŨ	07/08/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.50	6.90	4.00	0.75	Toán
675	104675	HUỲNH DUY VƯƠNG	20/01/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.25	5.70	9.60	5.80	Anh
676	104676	BÀN CHÂU HẠ VY	09/10/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.75	9.10	9.40	5.55	Anh
677	104677	ĐOÀN THẢO VY	10/08/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.25	7.90	8.40	1.25	Toán
678	104678	DƯƠNG TƯỜNG VY	02/08/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.25	7.35	8.40	7.50	Văn
679	104679	LÊ NGỌC TRƯỜNG VY	24/10/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.00	8.70	7.40	7.25	Lý
680	104680	LƯƠNG THỊ HÀ VY	28/10/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	5.25	5.65	6.00	1.88	Sinh
681	104681	LƯƠNG VÕ UYÊN VY	01/01/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.00	7.55	6.60	4.75	Lịch sử
682	104682	MAI THUYẾT VY	04/07/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.00	8.80	7.20	3.25	Toán
683	104683	NGUYỄN HÀ VY	22/07/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.00	4.55	2.20	0.25	Toán
684	104684	NGUYỄN MAI TƯỜNG VY	07/08/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.50	4.40	3.20	7.00	Văn
685	104685	NGUYỄN NGỌC TUYẾT VY	08/03/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.75	8.05	9.60	4.15	Anh
686	104686	NGUYỄN PHƯƠNG VY	18/12/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.25	6.10	6.60	5.25	Văn
687	104687	NGUYỄN THỊ KHÁNH VY	10/01/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.50	6.55	5.40	5.50	Văn
688	104688	NGUYỄN THỊ THẢO VY	01/11/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.00	4.05	5.20	4.75	Văn
689	104689	NGUYỄN THỊ TƯỜNG VY	14/08/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.00	6.50	6.00	3.25	Toán
690	104690	NGUYỄN TƯỜNG VY	07/11/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.25	7.00	6.00	5.75	Văn
691	104691	PHẠM THỊ KHÁNH VY	09/04/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.50	6.65	6.20	3.00	Địa lý

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường thi	Điểm 3 môn thi chung			Môn chuyên	
					Văn	Toán	Tiếng Anh	Điểm	Môn chuyên
692	104692	TRẦN NGỌC PHƯƠNG VY	24/05/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.25	8.05	6.80	5.50	Địa lý
693	104693	VƯƠNG THỊ HẠ VY	02/10/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.50	6.25	6.40	4.25	Văn
694	104694	VŨ THỊ PHƯƠNG VY	24/07/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.50	7.25	8.80	7.00	Văn
695	104695	LÊ THỊ THANH XUÂN	07/08/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.00	6.10	5.20	4.50	Văn
696	104696	NÔNG MINH XUÂN	21/03/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.25	6.10	4.60	3.63	Sinh
697	104697	NGUYỄN HỒNG NHƯ Ý	24/09/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.50	7.85	9.20	5.50	Anh
698	104698	NGUYỄN NGỌC NHƯ Ý	25/07/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.00	9.30	10.00	7.75	Toán
699	104699	NGUYỄN THỊ NHƯ Ý	11/07/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.00	8.35	7.80	3.38	Sinh
700	104700	PHẠM THỊ MỸ Ý	07/10/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.50	7.80	2.60	3.00	Địa lý
701	104701	LẠI ĐẶNG HOÀNG YẾN	28/08/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.25	7.40	6.20	5.50	Văn
702	104702	NGUYỄN THỊ KIM YẾN	06/05/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.00	6.50	5.20	7.00	Lịch sử
703	104703	NGUYỄN THỊ NGỌC YẾN	01/01/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.00	5.95	6.20	6.25	Văn
704	104704	PHẠM HẢI YẾN	25/07/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.25	7.00	9.40	5.50	Lịch sử
705	104705	PHẠM MAI NGỌC YẾN	07/08/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.25	3.70	6.20	1.30	Anh
706	104706	PHAN THỊ HỒNG YẾN	05/06/2009	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.25	6.55	3.40	8.25	Lịch sử
707	104707	VŨ THỊ YẾN	25/12/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.00	6.20	5.80	1.50	Toán
708	104709	PHẠM GIA NGHĨA	05/06/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	6.00	7.15	4.80	2.63	Sinh
709	104710	NGUYỄN SỸ VƯỢNG	04/11/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	7.50	8.30	8.00	2.00	Toán
710	104712	DƯƠNG HOÀNG LINH	01/01/2010	THPT chuyên Nguyễn Chí Thanh	8.25	5.90	5.00	5.00	Văn

Danh sách gồm có: 710 thí sinh./.

CB tổng hợp

Phụ trách Ban chấm tự luận

Phụ trách Ban chấm trắc nghiệm

Đắk Nông, ngày 13 tháng 6 năm 2025

Trưởng Ban Chấm thi



Lưu Đình Tín



Lê Nhơn



Nguyễn Đức Thạch



PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ GD&ĐT

Nguyễn Thị Thu